

CULTURAL SOUNDS:  
**THE SPIRIT** OF  
**VIETNAM**



**CA TRÙ**  
**SINGING**

# HÁT CA TRÙ

Published by  
Vietnamese Institute for Musicology

In Collaboration with  
International Information and Networking Centre for  
Intangible Cultural Heritage in the Asia-Pacific Region  
under the Auspices of UNESCO (ICHCAP)

Supported by  
Cultural Heritage Administration of Korea

Design by  
Design Nanum

© 2015 VIM  
© 2015 ICHCAP

Ca trù còn có nhiều tên gọi khác nhau như hát á đào, hát cửa đình, hát nhà tơ, hát nhà trò, hát cô đầu... Căn cứ bộ sử Đại Việt sử kí toàn thư, thì Ca trù ra đời từ thời nhà Lý (1010 - 1025) thế kỷ thứ XI với tên gọi hát Á đào. Tới thời Lê (1428 - 1527) nghệ thuật hát Á đào phát triển rực rỡ. Nhiều cuộc thi hát Á đào được tổ chức ở các đình làng. Vào thời này, quan viên tới cầm châu nghe hát, thường ném thẻ thưởng tiền cho các đào nương hát hay múa khéo. Thẻ đó gọi là “trù”. Dần dà lối nghe ca thưởng thẻ gọi là Ca Trù. Tên gọi này được tìm thấy trong bài thơ “Nghĩ hộ tám giáp lâm giải thưởng cho cô đào hát” của Lê Đức Mao viết khoảng năm 1500.

Kể từ thuở ban đầu hình thành, Ca trù đã trải qua một quá trình lúc thịnh, lúc suy. Vào tháng 10 năm 2009, “Hát Ca trù” đã được UNESCO công nhận là di sản văn hóa phi vật thể cần được bảo vệ khẩn cấp.

Ca trù là một thể loại ca múa nhạc cổ truyền phổ biến của người Kinh ở miền Bắc và miền Trung Việt Nam. Thành phần cốt lõi của một “ban nhạc” Ca trù bao gồm một kệp gậy đàn đáy - một nhạc khí duy nhất chỉ sử dụng để đệm cho hát Ca trù, một đào

nương vừa hát vừa gõ phách và một quan viên cầm châu.

Môi trường trình diễn Ca trù khá phong phú. Thuở ban đầu, Ca trù được sinh ra để phục vụ cho mục đích hát thờ. Từ môi trường thờ với các hình thức hát thờ ở cửa đình, hát cúng tổ tiên, hát Ca trù đã dần chuyển sang môi trường thính phòng (còn gọi là Ca trù hát chơi mang tính chất giải trí) với các hình thức hát ở đình thự, tư gia, ca quán. Ngoài hai môi trường hát chính này, Ca trù còn được đưa vào trong môi trường nghỉ thức với hình thức hát ở cung vua và công thự của các quan. Ngày nay, Ca trù còn được đưa lên trình diễn trên sân khấu ca nhạc truyền thống. Ở mỗi một môi trường trình diễn khác nhau, Ca trù có những biến đổi trong một số khía cạnh như hệ bài bản, tính chất âm nhạc, phong thái trình diễn, v.v...

Đĩa CD Hát Ca trù xin trân trọng giới thiệu một số thể cách được trình diễn trong môi trường hát thờ và môi trường thính phòng (hát chơi). Đây là những tư liệu được thu thanh vào những năm 1970 (tiết mục số 5, 6, 7), 1982 (tiết mục số 1, 4) và 1997 (tiết mục số 2, 3), do 3 nghệ nhân nổi tiếng nhất trong giới Ca trù thực hiện.

## 1. Hát lớt cửa đình

Biểu diễn: Đào nương Đình Thị Bản

Kép đàn Đình Khắc Ban

Thời gian sưu tầm và thu thanh: 1982

Đây là điệu hát dùng trong lối hát thờ ở cửa đình. Hát lớt cửa đình có thể sử dụng nhiều thể thơ và lời thơ khác nhau. Âm nhạc trong thể hát này bao gồm lối đọc cách điệu, ngâm thơ và hát.

Lời ca:

Sinh con trai cho đi học chữ

Nữa một mai chiếm bảng đăng khoa

Cho bố công bác mẹ sinh ra

Nhớ đến chữ cù lao, tri đức

Trước nữa là làm nên công danh khoa mục

Sau nữa là nổi giông thi thư

Chiếm vị quan, đạt vị sư

Có biết đạo thánh nhân thời mấy khá.

Khoa mục triều đình mở rộng thay

Khuyên con cố chí học cho hay

Cơm ngày ba bữa nhờ cha kiếm

Áo mặc bốn mùa có mẹ may

Cờ bạc xa quay thời lánh mặt

Bút nghiên đèn sách chớ rời tay

Một mai chiếm bảng khôi nguyên

Hà! Báo hiếu mẹ cha, trả nghĩa thầy

Vào khoa thi đỗ đầu thiên hạ

Ra thi tài, điểm trúng nhân danh

Bảng treo trên gác rành rành.

## 2. Bắc phàn

Biểu diễn: Đào nương Phạm Thị Mùi và nhóm nhạc

Thời gian sưu tầm và thu thanh: 1997

Bắc phàn là điệu hát thường mở đầu cho một chầu hát trong không gian Hát chơi hoặc ca quán. Lời ca của Bắc phàn là những bài thơ làm theo thể thơ lục bát, cứ 6 câu thơ (3 cặp lục bát) là một bài. Bốn câu thơ đầu hát ở giọng Nam, tiết tấu khoan thai; hai câu thơ cuối hát dựng lên một cung ở giọng Bắc, tiết tấu nhanh rồi chuyển về giọng Nam trở lại tiết tấu khoan thai, kết bài. Mặc dù có chuyển giọng, chuyển tiết tấu, nhưng nhìn chung giai điệu của Bắc phàn bình ổn và nhẹ nhàng.

Lời ca:

Mừng thâm chốn ấy chữ này

Ba sinh ầu hẳn duyên trời chi đây?

Vì đâu một cánh bèo mây

Làm cho bé ái khi dẫy khi rơi

Cầu trời rộng hồ ta thả

Họa may cá nước chim giờ nên chẳng

## 3. Gửi thư

Biểu diễn: Đào nương Phạm Thị Mùi và nhóm nhạc

Thời gian sưu tầm và thu thanh: 1997

Đây là một trong những điệu hát trữ tình nhất của nghệ thuật Ca trù với nội dung nhắn gửi tình nghĩa thiết tha. Lời ca thường là câu thơ 7 - 8 chữ, đôi khi xen lẫn những câu thơ lục bát với nội dung ai oán, thiết tha. Giai điệu bài ca trong trẻo, êm đềm.

Lời ca:

Nỗi yên ái thư tình đã vậy

Chữ Châu Khê tường gương lạnh xiết bao

Sông Ngân Hà đời lớp tương giao

Cầu Ô bắc gặp ghềnh tiêu thấp

Vào vườn cảnh thấy huê liền hái

Hỏi kia ai hái cá huê xanh

Thấy huê thơm đã trót vin cành

Đầu sơ suất muốn xin người chuẩn thứ

Lắng cung niềm cảnh sầu ngao ngán

Bỗng bây giờ gặp bạn cố tri

Nghĩ mình xem nên tỏ về vang gì

Làm cho khách cố tri mà chớ đợi

Bút huê thảo tình thư một bức

Tâm sự này vằng vặc bóng giăng soi

Chữ nhân duyên đem lại bởi giờ

Duyên kỳ ngộ thể non mà mấy nước

Khi dạ nợ đình ninh từ trước

Giục lòng này tiêu quân khách quan sang

Một châu quyền mấy dải Ngân Hà

Ấy đâu dễ phượng loan làm bạn

Khách tri âm mấy người viễn nhạn

Chữ chung tình xin ai chớ quên ai

Gửi thư về nhắn cá chớ đơn sai

Lòng mây nước chớ nghe ai mà chênh mảng

Tối tuyết giăng thu là về rạng

Bắc cầu Ô lần lửa qua sông Ngân

Cho bỏ công then khóa buông xuân

Rủ hẹn sụy mấy lần chờ đợi

## 4. Đò đưa

### (Bài “Lỡ bước sang ngang”)

Thor: Nguyễn Bình

Biểu diễn: Đào nương Đình Thị Bản

Kép đàn Đình Khắc Ban

Thời gian sưu tầm và thu thanh: 1982

Đò đưa là một trong ít những làn điệu dân ca được du nhập vào thể loại Ca trù và đã được Ca trù hóa, trở thành một trong những thể cách dùng trong lối hát Ca trù hát chơi. Theo cổ nghệ nhân Ca trù Đình Thị Bản kể lại: “Đây là điệu hát thời thượng mà các đào nương thường hát khi các quan viên đi chơi thuyền trên Hồ Tây của Hà Nội thuở xưa”.

Lời ca:

Thôi thì thôi thể là đành

Sang ngang lỡ bước riêng mình chị sao

Tuổi son nhạt thắm phai đào

Đầy thuyền hận có biết bao nhiêu người

Em đừng khóc nữa em ơi

Đầu sao thì sự đã rồi nghe em

Một đi bầy nổi ba chim

Trăm cay ngàn đắng con tim héo dần

Dù em thương chị mười phần

## 5. Ngâm vọng

Biểu diễn: NSND Quách Thị Hồ<sup>1</sup>

Kép đàn Phó Đình Kì

Thời gian sưu tầm và thu thanh: 1970

<sup>[1]</sup> NSND Quách Thị Hồ hát là NHÃN (People' artist Quách Thị Hồ sang NHÃN)

Ngâm vọng là một bài hát cổ của Ca trù. Tương truyền bài này có từ đời Lê. Có nhiều cách giải thích khác nhau về nguồn gốc nội dung bài ca. Có sách cho rằng đây là câu chuyện kể về vua Lê Thánh Tông khi ông đi du ngoạn ở trên hồ. Trong lúc thưởng ngoạn, vua gặp nàng mỹ nữ và rước về làm cung phi. Nàng ngồi trong kiệu nhưng trên đường đi nàng bỗng dung biến mất. Lúc hỏi ra, vua Lê mới biết đó là Tiên nữ. Nhớ nàng, vua cho lập một đền thờ.

Sách khác lại viết: lời ca của bài Ngâm vọng chính là nói lên những tâm tư, ước vọng của các mỹ nhân trong cung. Những ước mơ ấy là những câu vấn vắn, rồi rạc được ghép lại nên bài ca không có một nội dung thống nhất.

Âm nhạc của bài Ngâm vọng mang tính chất ngân nga, mở đầu giọng thấp sau giọng hát lên cao dần.

Lời ca:

Xa trông vầng nguyệt cung Hằng

Một mình thơ thẩn thung thăng ra vào

Nguyệt mờ tuyết điểm hơi may

Chập chờn xa những  đan tay chúc mừng

Chày Thiên lãng cung Vân Đình

Tương tránh Miêng Lãng

Chờ đêm thình vắng tụng tang mái ngoài

Sóng sánh dồn mặt nước long lanh

Chập chờn lá thắm lênh đênh giữa dòng.

Tài tình gặp long vân hội cả

Lượng ba thu nhang hóa bèn duyên

Tầm một tiếng trăng vừa nhộ mục

Tay lựa theo dâng khúc Trương Lương

Một con thuyền dù dọc dù ngang

Khi chơi Bích Thủy khi sang sông Tản

Cây ngô đồng sương mai lác đác

Nhạn bay về hành lạc thếp thâu.

## 6.

### Ngâm thơ (Bài Cảm thu tiễn thu)

Thor: Tân Đà

Biểu diễn: NSND Quách Thị Hồ

Kép đàn Đình Khắc Ban

Thời gian sưu tầm và thu thanh: 1970

Ngâm thơ là một trong những thể cách được các quan viên ưa chuộng. Đây là một thể cách khó, lời ca thường rất dài, đòi hỏi tài năng của người đảo nương làm sao khi đọc luôn phải duy trì được cảm xúc, mang lại hào hứng cho cả người đọc lẫn người nghe từ đầu đến cuối bài.

Lời ca:

Từ vào thu đến nay

Gió thu hiu hắt

Sương thu lạnh

Giăng (Trăng) thu bạch

Khói thu xây thành

Lá thu rơi rụng đầu ghềnh

Sóng thu đưa lá bao ngạnh biệt ly

Nhạn về én lại bay đi,

Đêm thi vượn hót ngày thi ve ngâm.

Lá sen tàn tạ trong đầm,

Nặng mang giọt lệ âm thầm khóc hoa.

Sắc đầu nhuộm ố quan hà<sup>2</sup>

Cỏ vàng cây đỏ, bóng tà tà dương

Nào người cố lý tha hương

Cảm thu ai có tư lượng<sup>3</sup> hỡi ai?

---

2. Quan hà: cửa ai và sông (the river mouth)

Nào những ai:

Bây thước thân nam tử

Bốn bề chỉ tang bồng

Đường mây chưa bỗng cánh bồng

Tiêu ma tuế nguyệt<sup>4</sup> ngại ngừng tu mi<sup>5</sup>

Nào những ai:

Sinh trường nơi khuê các<sup>6</sup>

Khuya sớm phận nữ nhi.

Song the ngày tháng thời đi,

Vương tở ngắm nhện nhờ thi thương hoa?

Nào những ai:

Tha phương khách thổ<sup>7</sup>

Hải giác thiên nha<sup>8</sup>

Ruột tâm hèo, tóc sương pha

Gốc phần<sup>9</sup> trạnh tương quê nhà đòi com?

Nào những ai:

Cù lao báo đức

Sinh dưỡng đền ơn

Kinh sương nghĩ nổi niềm đơn

Giàu sang bắt nghĩa mà hơn nghèo hèn?

Nào những ai:

Tóc xanh mây cuốn

Má đỏ hoa ghen,

Lãng chơi duyên đã hết duyên

Khúc sông trăng dải con thuyền chơi vui?

---

<sup>[1]</sup> Tư lượng: tính toán riêng (Tư lượng: calculation for oneself)

<sup>[2]</sup> Tuế nguyệt: năm tháng (Tuế nguyệt: the date)

<sup>[3]</sup> Tu mi: mây râu (the men)

<sup>[4]</sup> Khuê các: lầu gác, nơi ở của những người quý phái (the palace of wealthy people)

<sup>[5]</sup> Khách thổ: đất khách quê người (strange land)

<sup>[6]</sup> Hải giác thiên nha: góc bể chân trời (to the end of the world)

<sup>[7]</sup> Gốc phần: chi quê hương (fatherland)

Nào những ai:

Đọc ngang trời rộng,

Vùng vẫy bề khơi,

Đội trời đạp đất ở đời,

Sa cơ thất thế quê người chiếc thân?

Nào những ai:

Kê vàng tính mộng<sup>10</sup>

Tóc bạc thương thân

Vèo trông lá rụng đầy sân

Công danh phù thế có ngán ấy thời?

Thôi nghĩ cho

Thu tự trời

Cảm tự người

Người đời ai cảm ta không biết

Ta cảm thay ai viết mấy nhời

Thôi thời:

Cùng thu tạm biệt

Thu hãy tạm lui

Chi đề khách đa tình đa cảm

Một mình thay cảm những ai ai

<sup>[1]</sup> Tịch cũ Trung Hoa: có người học trò họ Lư đến ngụ trọ ở một cái quán dúng lúc chủ quán đang nấu nồi kê. Anh ta than nghèo. Có người đạo sĩ nghe biết liền cho anh ta một cái gối bảo gối đầu lên mà ngủ. Anh ngủ và mơ thấy mình giàu sang phú quý, vợ đẹp con khôn. Tỉnh dậy biết mình vừa nằm mơ lúc đó người chủ quán nấu nồi kê vẫn chưa chín. (A student, called Lu, lived in a motel for one night. At that time, the motel owner was cooking millet. He complained about his poverty. A Taoist hermit heard his story, presented him with a pillow, and asked him to use it during his sleep. He slept and dreamed that he became wealthy, got married with a beautiful wife, and had intelligent children. When he woke up, he knew that he had just dreamed and millet had not been cooked yet.)

## 7.

### Tỳ bà hành

Biểu diễn: NSND Quách Thị Hồ

Kép đàn Đình Khắc Ban

Thời gian sưu tầm và thu thanh: 1970

Tỳ bà hành là một trong những tuyệt tác của nghệ thuật Ca trù. Lời ca bài Tỳ bà hành được tác giả Phan Huy Vịnh dịch từ bản thơ gốc của Bạch Cư Dị - một nhà thơ Trung Quốc nổi tiếng sống ở đời Đường. Âm nhạc của Tỳ bà hành xuất hiện đủ 5 cung (Nam, Bắc, Huỳnh, Pha, Nao), lúc khoan, lúc nhặt được lồng ghép một cách tinh tế tạo nên những xúc cảm lay động người nghe. Thông thường để hát trọn vẹn một bài Tỳ bà hành thường mất ít nhất 30 phút nên hiếm khi các đào nương hát từ đầu đến cuối bài. Bài Tỳ bà hành giới thiệu sau đây được hát bắt đầu từ nửa cuối của bài thơ.

Lời ca:

Học đàn từ thuở mười ba  
Giáo phường đệ nhất số đà ghi tên  
Gã Thiện Tài sợ phen dùng khúc  
À Thu Nương ghen lúc điem tố  
Ngũ Lăng bọn trẻ ganh đua  
Biết bao the thắm chuốc mua tiếng đàn  
Vành lược bạc gãy tan nhịp gõ  
Bức quần hồng hoe ố rượu rơi  
Năm năm lần lữa vui cười  
Mái giảng hoa chẳng đoái hoài xuân thu  
Buồn em thấy, lại lo đi thác  
Lầm hóm mai đổi khác hình dong  
Cửa ngoài xe ngựa vắng không  
Thân già mới kết bạn cùng khách thương

Khách trọng lợi khinh đường ly cách

Mãi buồn chề sớm tếp nguồn khơi  
Thuyền không đậu bến mặc ai  
Quanh thuyền trắng đời nước trôi lạnh lùng  
Đêm khuya sự nhớ vòng tuổi trẻ  
Lệ trong mơ hoen vè phấn son  
Nghe đàn ta đã chạnh buồn  
Lại rầu thêm nỗi ni non mấy lời  
Cùng một lứa bên trời lận đận  
Gặp gỡ nhau sẵn quen nhau  
Từ xa kinh khuyết bấy lâu  
Tầm Dương đất trích gối sầu hóm mai  
Chốn cùng tịch lấy ai vui thích  
Tai chẳng nghe đàn địch cá nãm  
Sông Bồn gấn chốn cát lằm  
Lau vàng, trúc cối âm thầm quanh hiên  
Tiếng chi đó nghe liền sớm tối  
Quốc kêu sầu vượn nói ni non  
Hoa xuân nở, nguyệt thu tròn  
Một mình tay chuốc chén son ngập ngừng  
Há chẳng có ca rừng địch nội  
Giọng lịu lo buồn nổi khó khuya  
Tỳ bà tiếng dạo canh khuya  
Dường như tiên nhạc gấn kề bên tai  
Hãy ngồi lại đàn chơi khúc nữa  
Sẽ vì nâng soạn sửa bài ca  
Tần ngần dường cảm ý ta  
Rén ngồi lựa phím đàn đã kíp dây  
Nghe nảo nuốt khác tay đàn trước  
Khắp tiệc hoa tuôn nước lệ rơi  
Lệ ai chan chứa hơn người  
Giang châu Tư Mã đượm mùi áo xanh

## CA TRÙ SINGING

Ca trù singing has other names such as hát ả đào, hát cửa đình, hát nhà tơ, hát nhà trò, or hát cô đầu. According to Đại Việt sử ký toàn thư (The Complete Book on the History of Đại Việt), Ca trù appeared in the Lý dynasty (1010-1025) under the name Ả đào singing. Many Ả đào singing contests were held in the village communal houses. In that time, village notables often played the praised drum while enjoying the performers singing and threw reward cards to the singers who performed well. That card was call “trù”. Gradually, the way of rewarding the singers with cards became known as Ca trù. This name is found in the poem namely “Nghĩ hộ tám giáp làm giải thưởng cho cô đào hát” (“On Behalf of People from Eight Hamlets to Write the Rewarding Rule for Awarded Singers”) of Lê Đức Mao in 1500.

Ca trù is a popular genre of traditional singing and dancing of the Kinh people in the northern and the central Vietnam. The key members of a Ca trù band include one đàn đáy (three-stringed lute instrumentalist) (the đàn đáy is the only musical instrument for accompanying Ca trù), one singer who both

sings and plays the phách clappers, and one praise drummer (known as quan viên cầm chầu) player.

Ca trù can be performed in a wide variety of places. Ca trù was born to serve as worship singing. From serving as worship at the village communal houses and ancestor worship, Ca trù has changed into singing for entertainment at private houses, restaurants, or cabarets. In addition to these main performance environments, Ca trù was performed at the royal palace and the palaces of mandarins. At present, Ca trù is sung as traditional music. In each performance environment, Ca trù has some changes in terms of the repertoire, musical nature, or performance styles.

The CD Ca trù singing (Hát Ca trù) introduces some songs that which were performed for worship and for entertainment. They were recorded in 1970 (tracks 5, 6, and 7), in 1982 (tracks 1 and 4), and in 1997 (tracks 2 and 3) and performed by the three most famous Ca trù folk artists.

## 1. Hát lót cửa đình (Singing at the village communal house)

Performers: Singer Đinh Thị Bán and the musical ensemble  
Time of audio-recording: 1982

This song was performed as worship singing at the village's communal house. Hát lót cửa đình could be composed in many styles of poetry and have different lyrics. Music includes a stylized way of reading, recitation, and singing.

## 2. Bắc phàn

Performers: Singer Phạm Thị Mùi and the musical ensemble  
Time of audio-recording: 1997

Bắc phàn is often played to start a singing session in the environment of Hát chơi (singing for entertainment) and ca quán (singing in the cabaret). The lyrics of the Bắc phàn are poems in six-eight-word distich meter. Every six verses of six-eight-word distich meter forms a poem. The first four verses are sung in a Nam tone at a deliberate rhythm; the two last verses are sung in a Bắc tone at a quick tempo that later changes back into a Nam tone with the deliberate tempo. Although Bắc phàn song modulates and changes rhythm, its melody is basically stable and pianissimo.

## 3. Gửi thư (Sending a letter)

Performers: Singer Phạm Thị Mùi and the musical ensemble  
Time of audio-recording: 1997

This is one of the most lyrical songs with the lyrics sending moving messages. Its lyrics are often poetic sentences with seven or eight words. They are sometimes the six-eight-word verses with the plaintive content. Its tune is clear and calm.

## 4. Đò đưa (On boat)

Name of the song: "Lò Bước Sang Ngang" (Getting married with a wrong man) (the poem of Nguyễn Bình)  
Performers: Singer Đinh Thị Bán  
Instrumentalist: Đinh Khắc Ban  
Time of audio-recording: 1982

Đò đưa is one of a few folk songs that was influenced by Ca trù and then became a Ca trù song for entertainment. A late Ca trù folk artist, Đinh Thị Bán, said: "This is a favourite song, sung when mandarins were on a boat on Hồ Tây Lake in Hanoi in the past".

## 5. Ngâm vọng

Performers: People's artist Quách Thị Hồ  
Instrumentalist: Phó Đình Kỳ  
Time of audio-recording: 1970

Ngâm vọng is an old song of Ca trù. According to legend, it appeared in the Lê dynasty. There are many explanations about the origin of its lyrics. According to some books, it tells the story of a lake excursion by King Lê Thánh Tông. On his excursion, he met a beautiful woman and wanted to marry her. She suddenly disappeared when she was in a palanquin on the way to the royal palace. After that, the king knew that she was a fairy. Missing her, the king had a temple built. According to other books, the lyrics of Ngâm vọng were the confidence and the wish of beautiful women in the imperial palace. Those wishes were expressed through incoherent sentences; thus, the lyrics do not have a unified content. This song opens with a low singing voice and then a high singing voice gradually comes in.

## 6. Ngâm thơ (Reciting a poem)

Name of the song: Cầm thu tiễn thu (saying goodbye with the autumn) (the poem of Tân Đà)  
Performers: People's artist Quách Thị Hồ  
Instrumentalist: Đinh Khắc Ban  
Time of audio-recording: 1970

Ngâm thơ was loved by mandarins. It is a difficult song; its lyrics are long; and it requires the singer to keep emotion in

reciting the poem and to bring excitement to the singer and audiences from the beginning to the end of this song.

## 7. Tỳ bà hành

Performers: People's artist Quách Thị Hồ  
Instrumentalist: Đinh Khắc Ban  
Time of audio-recording: 1970

Tỳ bà hành is one of the masterpieces of Ca trù art. Its lyrics are translated by Phan Huy Vịnh from a poem of Bạch Cư Dị, a famous Chinese poet in the Tang dynasty. The Tỳ bà hành song includes five cung (musical modes), consisting of Nam, Bắc, Huỳnh, Pha, and Nao. It was subtly slow and fast now and then, creating emotion, moving people's hearts. The Tỳ bà hành song is long and it takes at least thirty minutes to sing the whole song, so the singer rarely sings from the beginning to the end. The Tỳ bà hành song in this CD was sung from the second half of the poem.

## 까 짜 가창

까 짜(Cà trù) 가창은 핫 아 다오(hát à dào), 핫 끄아 딘(hát của đĩnh), 핫 나 또(hát nhà to), 핫 나 쯔(hát nhà trò), 핫 꼬 더우(hát cô đầu) 등 다른 이름으로도 불린다. 다이 비엣 역사서(Dại Việt sử ký toàn thư)에 따르면 아 다오 노래 (Á dào singing)이라는 이름으로 리왕조(Lý dynasty (1010-1025)) 시기에 카짜가 나온다. 다수의 아 다오 노래 경연대회가 마을회관에서 개최되었다. 당시 마을에서는 노래와 함께 북을 치고, 노래를 잘하는 가창자들에게 카드를 던져 칭찬했다. 이때 던지는 카드를 쯔(trù)라고 부른다. 점차적으로 이런 식으로 카드로 가창자를 북돋는 방식이 까 짜(Cà trù)로 알려졌다. 까 짜라는 이름은 레 독 마오의 시 Nghi hộ tâm giúp làm giải thưởng cho cô dào hát (8개 마을 사람들을 대표하여 우수한 가창자를 치하하는 방법)\*에서 발견된다.

까 짜는 베트남 북부 및 중부지역에 거주하는 킨족(Kinh)의 전통 춤 및 노래의 한 종류다. 까 짜 악단은 3현 류트인 단 다이(dàn dây) 연주자 1명(단 다이는 까 짜에서 반주를 담당하는 유일한 악기다), 노래와 연주를 함께하는 가창

자 1명, 판 비안 껌 짜우(quan viên cảm châu)로 알려진 고수 1명으로 구성된다.

까 짜는 다양한 장소에서 진행된다. 까 짜는 원래 승배를 위한 노래였다. 마을 공동체에서 승배를 위한 노래로 불리다가 일반 가정, 레스토랑, 카바레 등에서 여흥을 위해 부르는 노래로 변화했다. 까 짜는 이러한 주요 연행 장소 이외에 왕궁이나 고위 관료의 저택에서도 불렀다. 오늘날에는 전통 음악으로 무대에서 진행된다. 연행 환경에 따라서 까 짜는 곡, 음악성, 연행 형태 등이 바뀐다.

이 CD에서는 승배 및 여흥을 위해 연행된 곡 가운데 일부를 소개한다. 수록된 곡들은 1970년(트랙 5, 6, 7), 1982년(트랙 1, 4), 1997년(트랙 2, 3)에 가장 유명한 까 짜 연행자 3명이 연행한 것을 녹음한 것이다.

### 1. 핫 롯 끄아 딘 (Hát lót của đĩnh; 마을 공동체에서 노래하기)

연행자: 딘딘반(Dinh Thi Ban) 가창과 음악 합주  
녹음연도: 1982년

이 노래는 마을 공동체에서 승배 의식을 위한 노래로 연행됐다. 핫 롯 끄아 딘(Hát lót của đĩnh)은 다양한 형식의 시와 노랫말로 작사 및 작곡할 수 있다. 음악은 읽기, 암송하기, 노래하기 등 방식을 포함한다.

### 2. 박 판 (Bác phán)

연행자: 팜티무이(Pham Thi Muu) 가창과 음악 합주  
녹음연도: 1997년

박 판(Bác phán)은 종종 핫 쯔이(Hát chơi; 여흥을 위한 노래 부르기)와 까 판(ca phán; 카바레에서 노래 부르기)을 연행할 때 노래 부르기 시작하기 위해 연주된다. 가사는 6-8 운율 시로 이뤄져 있다. 6-8 운율로 된 6행마다 하나의 시를 이룬다. 먼저 나오는 네 운율은 남(Nam)톤으로 연주하고, 나머지 두 운율은 빠른 박자에서 박(Bác) 톤으로 연주하다가 다시 남톤으로 느려진다. 박 판 노래가 변주가 있고 리듬에 변화가 있지만 멜로디는 안정돼 있고 매우 여리다.

### 3. 그이 트 (Giũ thư; 편지 보내기)

연행자: 팜티무이(Pham Thi Muu) 가창과 음악 합주  
녹음연도: 1997년

그이 트(Giũ thư)는 감동 어린 편지를 보내는 가사를 담고 있는 서정시 짚은 노래다. 가사는 대개 7~8개 단어로 이뤄진 시구로 되어 있다. 가사는 때때로 애처로운 내용을 담고 있는 6~8개 단어의 절로 이뤄져 있다. 음률은 맑고 잔잔하다.

### 4. 도 드아 (Đò đũa; 배 위에서)

곡명: 리 비엣 상 응앙(Lo Bươc Sang Ngang; 영풍한 남성과 결혼하기)-  
응우옌빈(Nguyen Binh)의 시  
연행자: 딘티반(Dinh Thi Ban)  
악기연주: 딘각반 (Dinh Khắc Bân)  
녹음연도: 1982년

도 드아(Đò đũa)는 까 짜의 영향을 받았다가 나중에 여흥을 위한 까 짜 노래로 변한, 흔치 않은 민속노래의 하나다. 고인이 된 까 짜 연행자 딘딘반(Dinh Thi Ban)은 “예전에 하노이 호 락이 호 수(Hồ Tây)에서 고위 관료들이 배를 탈 때 가창자가 부른 이 곡은 내가 가장 좋아하는 노래다”라고 말했다.

## 5.

### 응엄 봉 (Ngâm vọng)

연행자: 국민 예인 콰티호.(Quốc Thi Hộ)  
악기연주: 포딘키키(Pho Đinh Kỳ)  
녹음연도: 1970년

응엄 봉(Ngâm vọng)은 까 쭈의 옛 노래다. 전해오는 말에 따르면 응엄 봉은 레(Le) 왕조 때 나타났다. 응엄 봉 가사의 유래에 관한 해설은 상당히 많다. 레타인퐁(Le Thành Tông) 왕이 호수로 놀러 나간 이야기를 가사로 만들었다고 말하는 책도 있다. 여기서 왕은 아름다운 여인을 만나고 그녀와 결혼하고자 한다. 하지만 그 여인은 왕궁으로 돌아오는 가마에서 갑자기 사라진다. 그 이후 왕은 그 여인이 요정이라는 사실을 깨닫는다. 왕은 사라진 여인을 그리워하며 절을 지었다.

다른 책에서는 응엄 봉의 가사가 왕궁에 있는 아름다운 여인들의 비밀과 소망을 이야기한다고 한다. 이들 소망은 앞뒤가 맞지 않기 때문에 가사 내용은 일관성이 없다.

이 노래는 낮은 음으로 시작해서 점점 높은 음으로 전개된다.

## 6.

### 응엄 터 (Ngâm thơ; 시 암송)

곡명: 감 투 락뎀 투(Cảm thu tiễn thu; 가을 작별 인사)- 편타(Tan Đu)의 시  
연행자: 국민 예인 콰티호.(Quốc Thi Hộ)  
악기연주: 딘락반 (Đinh Khắc Bàn)  
녹음연도: 1970년

응엄 터(Ngâm thơ)는 고위 관료들이 좋아한 노래였다. 응엄 터는 가사가 길고 가창자가 처음부터 끝까지 시를 낭송하면서 관객을 흥분시킬 수 있는 감정을 유지해야 하는 어려운 노래다.

## 7.

### 띠 바 하인 (Tỳ bà hành)

연행자: 국민 예인 콰티호.(Quốc Thi Hộ)  
악기연주: 딘락반 (Đinh Khắc Bàn)  
녹음연도: 1970년

띠 바 하인(Tỳ bà hành)은 까 쭈 예술의 걸작 중 하나다. 가사는 중국 당나라의 유명한 시인인 박끄지(Bách Cư Di; 중국명 바이궈이, 白居易; 한국명 백거이)의 시를 판부이빈(Phan Huy Vinh)이 번역한 것이다. 띠 바 하인 노래는 남(Nam), 박(Bác), 훈(Huỳnh), 파(Pha), 나오(Nao) 등 5개 궁(cung; 음계)을 포함한다. 이 노래는 수시로 은근하게 느려졌다 빨라졌다 하면서 심정을 자극시킨다. 띠 바 하인 노래는 전체가 안 돼도 30분이 걸려서 가창자가 끝까지 부르는 경우가 드물 정도다. 이 CD에 수록된 띠 바 하인 노래는 전체 시의 뒷부분 절반을 부른 것이다. 🎧

## Contributors

Co-Production Directors / Chịu trách nhiệm xuất bản  
Nguyễn Bình Định, Kwon Huh

Editors / Biên tập  
Phạm Minh Hương, Nguyễn Thủy Tiên,  
Đặng Hoàng Loan

Introduction / Lời giới thiệu  
Nguyễn Thủy Tiên

Sound editors / Chính sửa âm thanh  
Trần Minh Đức, Trần Hải Đăng

English translation / Dịch tiếng Anh  
Hoàng Diệu Thương

Korean translation / Dịch tiếng Hàn Quốc  
Jeongeun Park

Layout / Trình bày  
Đình Khánh Linh

The Vietnamese Institute for Musicology would like to express our sincere thanks to the International Information and Networking Centre for Intangible Cultural Heritage in the Asia-Pacific Region under the auspices of UNESCO (ICHCAP) for its assistance in creating this CD.



